

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/LĐ-PT
Ngày 09-01-2026
V/v tranh chấp về trường hợp bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng lao
động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số
84/2025/TLPT-LĐ ngày 21/10/2025 về việc “tranh chấp về trường hợp bị đơn
phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 04/2025/LĐ-ST ngày 28/7/2025 của Tòa
án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7252/2025/QĐ-PT
ngày 03/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23378/2025/QĐ-PT ngày
26/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Võ Văn A, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ B, xã P, huyện
C, Thành phố Hồ Chí Minh nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A có
mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị Thanh X, ông Trương Quốc H;
cùng địa chỉ: Tầng B, số nhà A H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nay
là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2025).
Bà X có mặt, ông H vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T1; địa chỉ: thửa đất số 12, tờ bản đồ 68, ấp
B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1996; bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1998; cùng địa chỉ: số G, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2025). Ông H1 vắng mặt, bà T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D – Luật sư Công ty L; địa chỉ: số G, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty Cổ phần T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/11/2024, sau khi đạt kết quả tuyển dụng, Công ty Cổ phần S1 (nay là Công ty Cổ phần T1 – gọi tắt là Công ty) đã gửi T mời nhận việc cho ông A với vị trí làm việc là Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách quản lý bộ phận hàng trắng – sơn – đóng gói – load cont & phụ trách Phòng kế hoạch, thời gian nhận việc từ ngày 04/11/2024 và thử việc thời gian 02 tháng, nội dung có thể hiện rõ là “*Thông tin trong thư mời này được bảo mật và là một phần nội dung không thể tách rời của Hợp đồng lao động*”. Đến ngày 30/11/2024, chưa hết thời gian thử việc 01 tháng, Công ty đã ra quyết định bổ nhiệm chức vụ cho ông A vào vị trí quản lý là Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc sản xuất. Theo nội dung quyết định, ông A được hưởng lương, các khoản phụ cấp, theo quy định của Công ty và các chế độ khác theo luật lao động. Công ty cũng đã in danh thiếp cho ông A với chức danh Giám đốc điều hành.

Sau 01 tháng làm việc, Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông A, cũng như qua nội dung trao đổi giữa hai bên và căn cứ theo tinh thần Án lệ số 20/2018/AL về xác lập quan hệ hợp đồng lao động sau khi hết thời gian thử việc, người sử dụng lao động tiếp tục để người lao động làm việc thì có căn cứ xác định người lao động và người sử dụng lao động đã xác lập quan hệ hợp đồng lao động, người lao động đã trở thành nhân viên chính thức. Theo nội dung thông tin tuyển dụng, các trao đổi trực tiếp tại buổi tuyển dụng thì Công ty sẽ tuyển dụng ông A làm việc thời hạn 01 năm.

Nhưng đến ngày 19/02/2025, Công ty thông báo yêu cầu ông A nghỉ việc, yêu cầu ông A bàn giao công việc cho người mới, lý do của việc cho nghỉ việc là do có sự thay đổi chủ sở hữu Công ty. Công ty đơn phương cho ông A nghỉ việc chính thức từ ngày 20/02/2025. Việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông A là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông A, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần S1 (nay là Công ty Cổ phần T1) phải bồi thường số 740.000.000 đồng cho ông Võ Văn A do đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, gồm các khoản:

- 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tương ứng $60.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 120.000.000 \text{ đồng}$.

- Vi phạm thời gian báo trước 30 ngày tương ứng 01 tháng lương $60.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} = 60.000.000 \text{ đồng}$.

- Thời gian không được làm việc từ ngày 20/02/2025 đến hết hạn hợp đồng lao động ngày 01/12/2025 là 9 tháng 10 ngày, tương ứng: $60.000.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 560.000.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về bảo hiểm xã hội. Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Thư mời nhận việc ngày 01/11/2024; Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ số 01.3011-TB.STP ngày 30/11/2024; Phiếu lương tháng 11/2024, Phiếu lương tháng 12/2024, Phiếu lương tháng 01/2025; Bảng tổng hợp tiền lương tháng 02/2025; Biên bản bàn giao công việc; các bản chụp màn hình điện thoại nội dung trao đổi tin nhắn qua ứng dụng Zalo.

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Tại Bản tự khai ngày 16/6/2025, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Trong thời gian làm việc tại Công ty, ông A thực hiện công việc không hiệu quả, gây thiệt hại gần 2 triệu USD cho Công ty. Do đó, ông A đã chủ động xin nghỉ việc tại Công ty, Công ty đồng ý và yêu cầu ông A viết đơn xin nghỉ nhưng ông A không viết đơn và tự ý nghỉ việc. Công ty có yêu cầu ông A quay lại làm việc nhưng ông A tự ý không quay lại làm việc. Do đó, Công ty không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của ông A. Nếu ông A cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì ông A hãy chứng minh với Toà án. Công ty không cung cấp gì thêm, yêu cầu Toà án căn cứ vào các quy định để xử lý. Công ty đang tính toán các thiệt hại do ông A tự ý bỏ việc và gây ra thiệt hại, Công ty sẽ phản tố yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 22/7/2025 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông A, ông A vẫn còn đang thử việc tại Công ty ở vị trí thử việc công việc khác ban đầu, Công ty đã đề nghị ông A ký hợp đồng lao động với thời hạn 03 tháng nhưng ông A chưa đồng ý và tự ý nghỉ việc tại Công ty mà không báo trước. Ông A làm việc theo thư mời nhận việc ngày 01/11/2024, ông A thử việc ở vị trí Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách Hàng trắng – S – Đóng gói – L1 & phụ trách phòng kế hoạch. Sau 01 tháng thử việc ở vị trí bộ phận này, do yêu cầu của công việc cần tạo danh xưng cho ông A để thuận lợi cho quan hệ với khách hàng nên ngày 30/11/2024, Công ty đã ban hành quyết định bổ nhiệm ông A giữ vị trí Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc sản xuất. Cùng lúc này ông A có đề xuất Công ty xin được đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty và được Công ty tạo điều kiện cho đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian thử việc.

Công việc thực tế mà ông A vẫn làm là theo T mời nhận việc, sau 02

tháng thử việc ở vị trí bộ phận Hàng trắng – S – Đóng gói – L1 & phụ trách phòng kế hoạch thì do ông A chưa có kinh nghiệm ở vị trí này nên ông A xin chuyển qua thử việc ở bộ phận sản xuất là Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc sản xuất để tùy vào khả năng của ông A mà Công ty S2 vị trí công việc phù hợp. Thời gian thử việc là 02 tháng tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 28/02/2025. Thỏa thuận cho ông A tiếp tục thử việc ở bộ phận vị trí công việc khác so với công việc thử việc trước đó là không vi phạm quy định của pháp luật lao động về thử việc. Gần cuối tháng 02/2025, Công ty đã chủ động trao đổi và làm việc với ông A về việc đề nghị ông A ký hợp đồng lao động có thời hạn 03 tháng nhưng ông A chưa trả lời. Đến ngày 20/02/2025, ông A đã tự ý bàn giao công việc, tài sản và nghỉ việc không báo trước. Công ty không ban hành bất cứ văn bản nào thông báo cho ông A nghỉ việc. Về mức lương của ông A tại Công ty là 9.000.000 đồng/tháng bao gồm lương cơ bản và các phụ cấp khác không phải là 60.000.000 đồng như ông A trình bày. Về thời hạn hợp đồng, do đang trong thời gian thử việc nên Công ty chưa ký hợp đồng lao động với ông A và Công ty không có bất cứ thỏa thuận nào về thời hạn hợp đồng lao động là 12 tháng như ông A trình bày.

Mặc dù ông A không làm việc đủ số ngày của tháng 02/2025 nhưng Công ty cũng đã thanh toán đủ lương của tháng 02/2025 và các chi phí phúc lợi khác cho ông A. Bên cạnh đó Công ty cũng có thiện chí nhiều lần yêu cầu ông A quay trở lại làm việc, tuy nhiên ông A không quay lại làm việc. Bị đơn cho rằng không có căn cứ để nguyên đơn yêu cầu áp dụng Án lệ số 20/2018/AL vì Công ty không thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động với ông A thời hạn 01 năm. Bị đơn không đồng ý với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm Phiếu lương, Danh thiếp, Bảng tổng hợp lương do đều là bản phô tô, các nội dung tin nhắn qua zalo cũng không rõ có phải trao đổi với người đại diện pháp luật của Công ty hay không nên không có giá trị chứng minh.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 04/2025/LĐ-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn A đối với bị đơn Công ty Cổ phần T1 về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”:

- Buộc Công ty Cổ phần T1 phải bồi thường cho ông Võ Văn A 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 60.000.000 đồng/tháng x 2 = 120.000.000 đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần T1 phải thanh toán cho ông Võ Văn A tiền lương những ngày không được làm việc (từ ngày 21/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm): 60.000.000 đồng/tháng x 5 tháng = 300.000.000 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần T1 bồi thường thiệt hại cho những ngày không báo trước 30 ngày số tiền 60.000.000 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần T1 bồi thường cho ông Võ Văn A 02 tháng tiền lương do không nhận người lao động trở lại làm việc là 60.000.000 đồng/tháng x 2 = 120.000.000 đồng;

Tổng số tiền Công ty Cổ phần T1 phải thanh toán cho ông Võ Văn Á là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 29/7/2025, bị đơn Công ty Cổ phần T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án như sau:

- Bị đơn Công ty Cổ phần T1 đồng ý hỗ trợ cho ông Võ Văn Á số tiền 100.000.000 đồng để chấm dứt toàn bộ tranh chấp về lao động giữa hai bên, nguyên đơn ông Võ Văn Á đồng ý.

- Về án phí sơ thẩm: các bên đương sự không thỏa thuận được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về án phí các đương sự không thỏa thuận được, đề nghị HĐXX căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn có trụ sở tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T1 được thực hiện trong thời hạn luật định, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

- Bị đơn Công ty Cổ phần T1 đồng ý hỗ trợ cho ông Võ Văn Á số tiền 100.000.000 đồng để chấm dứt toàn bộ tranh chấp về lao động giữa hai bên, nguyên đơn ông Võ Văn Á đồng ý.

- Về án phí sơ thẩm: các bên đương sự không thỏa thuận được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Riêng về án phí các đương sự không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo đó, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm mức 3% trên số tiền 100.000.000 đồng và án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Sửa Bản án sơ thẩm số 04/2025/LĐ-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Công ty Cổ phần T1 trả cho ông Võ Văn A số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để chấm dứt toàn bộ tranh chấp về lao động giữa hai bên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần T1 phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006220 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 17, TP Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự, VTLT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Huỳnh